

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/DS-PT
Ngày 08 - 6 - 2018
V/v Tranh chấp quyền sở hữu nhà.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý;
Ông Hoàng Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu nhà”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 791/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 570/2017/QĐ - PT ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Ngọc H, sinh năm 1961, (có mặt).

Địa chỉ: cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng Ngọc T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng Th, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: đường L, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Ng, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng Th, sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường L, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Hoàng Phượng Kh, sinh năm 1987.

3. Bà Trần Hoàng Phương Kh1, sinh năm 1994.

4. Ông Trần Hoàng Minh Kh2, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Đàm Mỹ Q, sinh năm 1959.

6. Bà Trần Ngọc Mỹ H1, sinh năm 1986.

7. Ông Trần Hoàng Nhật Kh3, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) Đàm Mỹ Q, Trần Ngọc Mỹ H1, Trần Hoàng Nhật Kh3: Ông Trần Hoàng Ngọc H.

8. Ông Trần Hoàng Ngọc B, sinh năm 1951.

Địa chỉ: đường Ng, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Trần Thúy Ngọc T1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: R St, Ch, C 91311 USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng Ngọc H.

10. Bà Trần Thúy Ngọc H2, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Đường L56, phường B, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1955.

12. Ông Trần Hoàng Trung Q1, sinh năm 1983.

13. Bà Trần Thụy Trúc Q2, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Nguyễn Thị Kim O, Trần Hoàng Trung Q1, Trần Thụy Trúc Q2: Ông Trần Hoàng Ngọc H.

14. Ông Trần Hoàng Ngọc C; sinh năm 1968 (chết ngày 27/3/2016), không vợ con.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Hoàng Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hoàng Ngọc H trình bày:

Nguồn gốc căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Trần Văn Th1 (chết năm 1981) và bà Trần Thị H3 (chết năm 1994) được nhà nước chế độ cũ cấp.

Trong quá trình chung sống, ông Th1, bà H3 có 07 người con chung:

1. Ông Trần Hoàng Ngọc B, sinh năm 1951.

2. Bà Trần Thúy Ngọc T, sinh năm 1955.
3. Bà Trần Thúy Ngọc H2, sinh năm 1957.
4. Ông Trần Hoàng Ngọc Q3, sinh năm 1959 (chết năm 2010). Có vợ và con là:
 - 4.1 Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1955.
 - 4.2 Ông Trần Hoàng Trung Q1, sinh năm 1983.
 - 4.3 Bà Trần Thụy Trúc Q2
5. Ông Trần Hoàng Ngọc H, sinh năm 1961.
6. Ông Trần Hoàng Ngọc T, sinh năm 1963.
7. Ông Trần Hoàng Ngọc C (chết ngày 27/3/2016), không có vợ con.

Sau khi ông Th1 chết, bà H3 đứng tên thuê nhà và đóng thuế nhà đất theo Hợp đồng thuê nhà số 2201/CNTP91 ngày 20/7/1991 của Xí nghiệp quản lý nhà Quận 3. Ngày 20/6/1991, bà H3 lập giấy ủy quyền số 12727 tại Phòng Công chứng nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung ủy quyền cho ông T được toàn quyền thay mặt bà để hoàn tất hồ sơ, thủ tục mua hóa giá căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào thời điểm hợp thức hóa, trong hộ khẩu căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3 có 08 người cư trú gồm: Bà Trần Thị H3, gia đình ông Trần Hoàng Ngọc H (03 người), gia đình ông Trần Hoàng Ngọc T (03 người) và ông Trần Hoàng Ngọc C.

Đối với phần diện tích nhà ông H đang ở (12m²) có nguồn gốc nguyên trước đây là thuộc phần sân của căn nhà, khoảng năm 1979 – 1980, ông H đã xây dựng phần diện tích nói trên để ở, sau khi giải tỏa mở hẻm, thì ông có cơ sở thêm để có diện tích như hiện nay, không có giấy phép xây dựng.

Đến năm 2011, ông mới phát hiện vợ chồng ông T đã tự ý sang tên và đứng tên sở hữu căn nhà nói trên từ 1993.

Nay, ông Trần Hoàng Ngọc H yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà nói trên là di sản của các đồng thừa kế bao gồm ông Bửu, bà Hồng, bà Tiên, vợ con ông Quý, ông T, ông H và giữ nguyên hiện trạng, nếu bán thì phải chia đều cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Hoàng Ngọc H xác định lại yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án công nhận căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3 là tài sản chung của 02 anh em Trần Hoàng Ngọc H – Trần Hoàng Ngọc T và giữ nguyên hiện trạng.

Bị đơn ông Trần Hoàng Ngọc T có đại diện theo ủy quyền là ông Trương Hoàng Th trình bày:

Về quan hệ gia đình và các anh em trong nhà, ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Về nguồn gốc căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không phải của cha mẹ để lại mà do vợ chồng ông T, bà Ng bỏ tiền ra mua lại của Nhà nước (Theo hợp đồng số 1379/HĐBHGN ngày 27/12/1991). Vợ chồng ông đã hoàn tất thủ tục và đóng thuế đầy đủ. Vào thời điểm hợp thức hóa căn nhà trên, có gia đình ông T, gia đình ông H, ông C và bà H3 cư trú, có hộ khẩu thường trú tại đây và chưa có phần xây dựng phía trước là căn nhà 12m² hiện nay mà ông H đang ở, đến năm 1995 ông H mới xây nhà trên phần sân trước của căn nhà này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý vì ông H không có bất cứ giấy tờ nào có giá trị pháp lý chứng minh căn nhà tại Cư xá Đ của cha mẹ để lại.

Đồng thời, ông có yêu cầu phản tố: Yêu cầu ông H trả lại sân trước của căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho gia đình ông, diện tích là 3m x 4m mà vợ chồng ông đã cho gia đình ông H cư trú. Do ông H tự ý xây dựng phần sân, nên bị đơn yêu cầu ông H phải trả lại phần diện tích này và phía ông sẽ không trả lại cho ông H phần giá trị xây dựng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xác định lại ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận căn nhà trên thuộc sở hữu của vợ chồng ông T, bà Ng đồng thời yêu cầu gia đình ông H di dời ngay ra khỏi căn nhà, trả lại phần diện tích 12m² cho ông gia đình ông T, ông T đồng ý hỗ trợ ông H 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho việc di chuyển nơi ở.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng Ngọc B và bà Trần Thuý Ngọc Hồng trình bày:

Căn nhà đang tranh chấp là tài sản của cha mẹ để lại, khi mua hóa giá, ông T chỉ thay mặt anh chị em trong nhà đứng tên, làm thủ tục hợp thức hóa. Nay ông bà không có yêu cầu gì đối với vụ kiện này nhưng nếu ông T bán nhà thì phải chia cho ông H phần đất mà trước giờ ông H vẫn sinh sống.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 791/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Pháp lệnh Nhà ở 1991; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – ông Trần Hoàng Ngọc H:

Xác định căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3 có diện tích khuôn viên 76,25m², diện tích xây dựng 67,43m² do ông Trần Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thuỳ Ng đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 201/CN-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/01/1993 là tài sản thuộc sở hữu chung của các ông bà Trần Hoàng Ngọc T, Nguyễn Thị Thuỳ Ng, Trần Hoàng Ngọc H, Đàm Mỹ Q.

2. Bác yêu cầu của ông Trần Hoàng Ngọc T về việc buộc gia đình ông H phải di dời ra khỏi nhà để trả lại phần mặt bằng diện tích 12m² của căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 03/7/2017, bị đơn ông Trần Hoàng Ngọc T có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hoàng Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng do nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sở hữu chung nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm lại xem xét yêu cầu công nhận quyền sở hữu chung. Cấp sơ thẩm căn cứ vào phiếu phúc tra công văn ngày 17/2/1992 của Phòng Thương binh xã hội Quận 3 để xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của ông H là không khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Trần Hoàng Ngọc T không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới. Cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Hoàng Ngọc T nằm trong hạn luật định và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét đơn kháng cáo của ông Trần Hoàng Ngọc T như sau:

[2.1] Nguyên đơn Trần Hoàng Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế. Trong quá trình xét xử sơ thẩm, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa

án công nhận căn nhà nói trên là tài sản chung của gia đình ông và gia đình ông Trần Hoàng Ngọc T, đồng thời yêu cầu giữ nguyên hiện trạng sử dụng căn nhà. Bị đơn ông Trần Hoàng Ngọc T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải di dời và trả lại phần diện tích 12m² mà nguyên đơn đang sử dụng cho gia đình ông.

[2.2] Xét nguồn gốc căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông Trần Văn Th1 (cha của ông H và ông T) được Đô trưởng Đ Sài Gòn cấp năm 1960. Sau khi ông Th1 mất, vợ ông Th1 là bà Trần Thị H3 cùng các con trong đó có ông H và ông T vẫn tiếp tục ở trong căn nhà nêu trên. Thực hiện quản lý nhà ở, ngày 10/7/1990, UBND Quận 3 đã ra Quyết định hợp thức hóa sử dụng căn nhà nêu trên cho bà Trần Thị H3 và các thành viên trong gia đình gồm 07 nhân khẩu (BL106). Sau đó, ngày 20/7/1991, căn cứ vào sự ủy quyền của bà H3, Xí nghiệp quản lý nhà Quận 3 đã ký hợp đồng thuê nhà số 2201/CNTP91 với ông Trần Hoàng Ngọc T.

Để mua hóa giá căn nhà, bà Trần Thị H3, ông Trần Hoàng Ngọc H, bà Đàm Mỹ Q và tất cả những người con khác của ông Th1, bà H3 như ông Trần Hoàng Ngọc B, Trần Hoàng Ngọc Q3, Trần Thúy Ngọc T, Trần Thúy Ngọc H2 đều làm tờ ủy quyền để ông Trần Hoàng Ngọc T đứng tên mua hóa giá nhà (BL108-109). Riêng ông Trần Hoàng Ngọc C do bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không lập tờ ủy quyền. Căn cứ vào các tờ ủy quyền trên, ông Trần Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy Ng đứng ra lập các thủ tục mua hóa giá căn nhà.

Tại tờ Xác nhận ngày 13/2/1993 của Hội đồng hóa giá nhà Quận 3 (BL226) xác định căn nhà số 82 Cư xá Đ do chế độ cũ cấp cho ông Th1, sau đó giao cho bà H3, bà H3 ủy quyền cho con ruột là Trần Hoàng Ngọc T. Giấy xác nhận này xác định về chính sách mua hóa giá “*đối tượng được hóa giá (công nhân viên, gia đình liệt sĩ..*” và căn nhà nêu trên hiện có 08 nhân khẩu, có 04 công nhân viên. Hồ sơ mua hóa giá căn nhà thể hiện Hội đồng hóa giá nhà Quận 3 dựa trên thời gian công tác, mức lương của 04 công nhân viên trong hộ gồm ông T, bà Tr, ông H và bà Đàm Mỹ Q (vợ ông H) để tính tỷ lệ % được miễn giảm khi mua hóa giá nhà (BL221).

Kể từ thời điểm trước và sau khi mua hóa giá nhà, hộ gia đình ông Nguyễn Hoàng Ngọc H và ông T vẫn ở chung trong căn nhà này. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận gia đình ông H đã sử dụng phần diện tích 12m² đất phía trước căn nhà tại Cư xá Đ từ năm 1981 đến nay; gia đình ông H là người bỏ tiền ra xây dựng phần nhà trên diện tích 12m² này. Khi mua hóa giá nhà, phần này cũng được tính luôn vào diện tích hóa giá và ông T không có khiếu nại gì.

[2.3] Như vậy, có cơ sở xác định nhà nước bán hóa giá căn nhà cho các thành viên trong gia đình mà ông T là người đại diện đứng tên mua nhà. Ông T kháng cáo cho rằng vợ chồng ông là người đứng tên mua nhà, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính nên đây là tài sản riêng của vợ chồng ông là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác

định căn nhà tại Cư xá Đ là tài sản chung của các ông bà Trần Hoàng Ngọc T, Nguyễn Thị Thùy Ng, Trần Hoàng Ngọc H, Đàm Mỹ Q và bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc gia đình ông H di dời để trả lại diện tích 12m² là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Ông Trần Hoàng Ngọc T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông. Bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Hoàng Ngọc T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Hoàng Ngọc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 791/2017/DSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Pháp lệnh Nhà ở năm 1991; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoàng Ngọc H.

Xác định căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích khuôn viên 76,25m², diện tích xây dựng 67,43m² do ông Trần Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thùy Ng đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 201/CN-UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/01/1993 là tài sản thuộc sở hữu chung của các ông bà Trần Hoàng Ngọc T, Nguyễn Thị Thùy Ng, Trần Hoàng Ngọc H, Đàm Mỹ Q.

2/. Bác yêu cầu của ông Trần Hoàng Ngọc T về việc buộc gia đình ông H phải di dời ra khỏi nhà để trả lại phần mặt bằng diện tích 12m² của căn nhà tại Cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hoàng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 06862 ngày 07/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông T được nhận lại 9.600.000 đồng.

Ông Trần Hoàng Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 đồng theo biên lai thu số 06642 ngày 24/3/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Hoàng Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0047215 ngày 17/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- ND (1);
- BD (1);
- NLQ (14);
- Lưu VP(3), HS (2).26b.NTDM.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy